

Số: /UBND-TH
V/v quản lý, sử dụng tài sản
công năm 2021.

Bình Phước, ngày tháng năm 2022

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Công văn số 480/BTC-QLCS ngày 13/01/2022 của Bộ Tài chính về việc triển khai hệ thống Phần mềm thuộc Dự án “Nâng cấp cơ sở dữ liệu Quốc gia về tài sản công” và báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2021,

Để việc cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu Quốc gia về tài sản công sau khi được nâng cấp bảo đảm thông tin về tài sản được đầy đủ, kịp thời, chính xác nhằm phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công, báo cáo cung cấp thông tin để lập Báo cáo tài chính Nhà nước hàng năm theo đúng nội dung và thời hạn theo quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị khối tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện các nội dung sau:

1. Báo cáo kê khai lần đầu và báo cáo kê khai bổ sung tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị:

1.1. Kê khai lần đầu:

Các Sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh chỉ đạo bộ phận chuyên môn; UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện rà soát các danh mục tài sản chưa kê khai dữ liệu tài sản công vào phần mềm cơ sở dữ liệu Quốc gia về tài sản công Bộ Tài chính (<https://qltsc.mof.gov.vn>) thực hiện kiểm kê tài sản tại đơn vị và các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc phạm vi quản lý (nếu có), đồng thời nhập số liệu kê khai tài sản vào phần mềm phần mềm cơ sở dữ liệu Quốc gia về tài sản công Bộ Tài chính (<https://qltsc.mof.gov.vn>), phần mềm kế toán tính đến hết năm 2021.

1.2. Báo cáo kê khai bổ sung tài sản công:

Các Sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh chỉ đạo bộ phận chuyên môn; UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện rà soát, kiểm tra lại các danh mục tài sản công chưa kê khai bổ sung tại đơn vị và các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc phạm vi quản lý (gồm biến động tăng, giảm) từ năm 2021 trở về trước vào phần mềm phần mềm cơ sở dữ liệu Quốc gia về tài sản công Bộ Tài chính (<https://qltsc.mof.gov.vn>), thực hiện kê khai và nhập số liệu kê khai tài sản bổ sung (gồm biến động tăng, giảm) vào phần mềm cơ sở dữ liệu Quốc gia về tài sản công Bộ Tài chính (<https://qltsc.mof.gov.vn>), phần mềm kế toán.

1.3. Báo cáo công khai tài sản công:

Các Sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố rà soát, chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc phạm vi quản lý, hằng năm sau khi kết thúc kỳ kế toán báo cáo công khai tài sản công theo quy định.

2. Trình tự, hồ sơ báo cáo kê khai lần đầu và báo cáo kê khai bổ sung, nội dung báo cáo, chế độ báo cáo; thời hạn kê khai, báo cáo; Mẫu biểu báo cáo kê khai:

2.1. Trình tự, hồ sơ báo cáo kê khai lần đầu và báo cáo kê khai bổ sung:

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện kê khai dữ liệu tài sản công, lập hồ sơ báo cáo kê khai, báo cáo công khai gửi cơ quan tiếp nhận và quản lý theo quy định tại Điều 127 Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ, cụ thể:

2.1.1. Đối với đơn vị trực tiếp kê khai tài sản:

Thực hiện lập 03 bộ hồ sơ báo cáo kê khai tài sản, công khai tài sản, trong đó:

- 02 bộ gửi cơ quan quản lý cấp trên; sở, ban, ngành chủ quản hoặc UBND cấp huyện, thị xã, thành phố (đối với tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc địa phương quản lý);

- 01 bộ lưu tại đơn vị.

- Hồ sơ báo cáo gồm:

- a) Báo cáo kê khai, báo cáo công khai theo mẫu do Bộ Tài chính quy định: 01 bản chính

- b) Hồ sơ có liên quan đến quyền quản lý, sử dụng tài sản báo cáo kê khai: 01 bản sao

- c) Hồ sơ liên quan đến tình hình xử lý tài sản công, gồm:

- + Quyết định điều chuyển; bán, thanh lý tài sản công: 01 bản sao

- + Quyết định phê duyệt giá khởi điểm bán tài sản công: 01 bản sao

- + Quyết định phê duyệt kết quả bán tài sản công: 01 bản sao

- + Quyết định phê duyệt chi phí xử lý tài sản công: 01 bản sao

Đơn vị được giao báo cáo kê khai tài sản công, báo cáo công khai *được gửi hồ sơ, báo cáo qua hệ thống văn bản điện tử liên thông.*

2.1.2. Đối với cơ quan quản lý cấp trên, sở, ban, ngành chủ quản hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện:

- a) Xác nhận hồ sơ báo cáo kê khai tài sản, báo cáo công khai tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị doanh nghiệp trực thuộc;
- b) Gửi 01 bộ hồ sơ báo cáo kê khai tài sản đã có xác nhận đến Sở Tài chính;
- c) Gửi 01 bộ hồ sơ báo cáo công khai không có xác nhận đến Sở Tài chính;
- d) Lưu 01 bộ hồ sơ báo cáo kê khai tài sản tại cơ quan quản lý cấp trên, sở, ban, ngành chủ quản hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Đơn vị được giao báo cáo kê khai tài sản công, báo cáo công khai ***được gửi hồ sơ qua hệ thống văn bản điện tử liên thông.***

2.2. Nội dung báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công:

2.2.1. Nội dung báo cáo của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp được giao quản lý, sử dụng tài sản công:

- a) Tình hình quản lý, sử dụng tài sản công:
 - Thực trạng công tác quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp;
 - Đánh giá những mặt tích cực, hiệu quả, những tồn tại, sai phạm trong quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trong kỳ báo cáo;
 - Đánh giá tình hình thực hiện kết luận, kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về quản lý, sử dụng tài sản công trong kỳ báo cáo.
- b) Kiến nghị các giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, sử dụng tài sản công.

2.2.2. Nội dung báo cáo của cơ quan quản lý cấp trên, sở, ban, ngành chủ quản hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- a) Tình hình quản lý, sử dụng tài sản công:
 - Thực trạng công tác quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp;
 - Đánh giá những mặt tích cực, hiệu quả, những tồn tại, sai phạm trong quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trong kỳ báo cáo;
 - Đánh giá tình hình thực hiện kết luận, kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về quản lý, sử dụng tài sản công trong kỳ báo cáo.
- b) Công tác chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý;
- c) Kiến nghị các giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, sử dụng tài sản công.

2.2. Thời hạn kê khai, báo cáo và trách nhiệm của các Sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố:

Đề nghị các Sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố giao cơ quan chuyên môn rà soát dữ liệu trên phần mềm Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công Bộ Tài chính (<https://qltsc.mof.gov.vn>), cập nhập lại danh mục tài sản đúng với thông số và số liệu thực tế tại đơn vị (bao gồm tình hình tăng, giảm tài sản), bảo đảm thông tin về tài sản được đầy đủ, kịp thời, chính xác nhằm phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công, báo cáo cung cấp thông tin để lập Báo cáo tài chính Nhà nước hàng năm theo đúng nội dung và thời hạn theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, kịp thời, chính xác của số liệu trong Cơ sở dữ liệu Quốc gia về tài sản công. Đồng thời thực hiện kê khai và tổng hợp báo cáo gửi về Sở Tài chính **trước ngày 20/02/2022** để tổng hợp trình UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị liên hệ số điện thoại 0271.3.879974 để phối hợp, xử lý.

Ghi chú: Đối với các cơ quan, đơn vị khối tỉnh chưa có tài khoản trên phần mềm Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công Bộ Tài chính gửi báo cáo về Sở Tài chính để rà soát, nhập liệu theo quy định.

3. Mẫu biểu báo cáo kê khai, báo cáo công khai:

Mẫu biểu báo cáo thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 9 và các biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính./.

(Đính kèm Phụ lục mẫu biểu Báo cáo và tài khoản đăng nhập phần mềm nâng cấp cơ sở dữ liệu Quốc gia về tài sản công trên địa bàn tỉnh Bình Phước).

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP; phòng TH;
- Lưu: VT(M.Anh).

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phụ lục Mẫu biểu Báo cáo
(Kèm theo Công văn số /UBND-TH ngày / / 2022 của UBND tỉnh)

STT	Mẫu biểu theo Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Nội dung báo cáo	Ghi chú
I	Đơn vị báo cáo gửi cơ quan quản lý cấp trên; Sở, ban, ngành chủ quản hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện:		
1	Mẫu số 04a-ĐK/TSC	Báo cáo kê khai trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị	Áp dụng cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị
2	Mẫu số 04b-ĐK/TSC	Báo cáo kê khai xe ô tô của cơ quan, tổ chức, đơn vị	
3	Mẫu số 04c-ĐK/TSC	Báo cáo kê khai tài sản cố định khác của cơ quan, tổ chức, đơn vị	
4	Mẫu số 05a-ĐK/TSDA	Báo cáo kê khai trụ sở làm việc phục vụ hoạt động của dự án	Áp dụng đối với các Ban quản lý dự án
5	Mẫu số 05b-ĐK/TSDA	Báo cáo kê khai xe ô tô phục vụ hoạt động của dự án	
6	Mẫu số 05c-ĐK/TSDA	Báo cáo kê khai tài sản cố định khác phục vụ hoạt động của dự án	
7	Mẫu số 06a-ĐK/TSC	Báo cáo kê khai thay đổi thông tin về đơn vị sử dụng tài sản	Áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý các dự án
8	Mẫu số 06b-ĐK/TSC	Báo cáo kê khai thay đổi thông tin về trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	
9	Mẫu số 06c-ĐK/TSC	Báo cáo kê khai thay đổi thông tin về xe ô tô	
10	Mẫu số 06d-ĐK/TSC	Báo cáo kê khai thay đổi thông tin về tài sản cố định khác	
11	Mẫu số 07-ĐK/TSC	Báo cáo kê khai xóa thông tin về tài sản trong cơ sở dữ liệu	
12	Mẫu số 09a-CK/TSC	Công khai tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê tài sản công	-Áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý các dự án; - Gửi cơ quan quản lý cấp trên; Sở, ban, ngành chủ quản hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện (Lưu) không cần ký xác nhận;
13	Mẫu số 09b-CK/TSC	Công khai tình hình quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	
14	Mẫu số 09c-CK/TSC	Công khai tình hình quản lý, sử dụng xe ô tô và tài sản cố định khác	
15	Mẫu số 09d-CK/TSC	Công khai tình hình xử lý tài sản công	
16	Mẫu số 09đ-CK/TSC	Công khai tình hình khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công	

II	Cơ quan quản lý cấp trên, sở, ban, ngành chủ quản hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi Sở Tài chính tỉnh:		
1	Mẫu số 04a-ĐK/TSC	Báo cáo kê khai trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị	
2	Mẫu số 04b-ĐK/TSC	Báo cáo kê khai xe ô tô của cơ quan, tổ chức, đơn vị	
3	Mẫu số 04c-ĐK/TSC	Báo cáo kê khai tài sản cố định khác của cơ quan, tổ chức, đơn vị	
4	Mẫu số 05a-ĐK/TSDA	Báo cáo kê khai trụ sở làm việc phục vụ hoạt động của dự án	
5	Mẫu số 05b-ĐK/TSDA	Báo cáo kê khai xe ô tô phục vụ hoạt động của dự án	
6	Mẫu số 05c-ĐK/TSDA	Báo cáo kê khai tài sản cố định khác phục vụ hoạt động của dự án	
7	Mẫu số 06a-ĐK/TSC	Báo cáo kê khai thay đổi thông tin về đơn vị sử dụng tài sản	
8	Mẫu số 06b-ĐK/TSC	Báo cáo kê khai thay đổi thông tin về trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	
9	Mẫu số 06c-ĐK/TSC	Báo cáo kê khai thay đổi thông tin về xe ô tô	
10	Mẫu số 06d-ĐK/TSC	Báo cáo kê khai thay đổi thông tin về tài sản cố định khác	
11	Mẫu số 07-ĐK/TSC	Báo cáo kê khai xóa thông tin về tài sản trong cơ sở dữ liệu	
12	Mẫu số 09a-CK/TSC	Công khai tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê tài sản công	- Gửi Sở Tài chính 01 bản photo không cần ký xác nhận; - Riêng tình hình xử lý tài sản công gửi kèm: + Quyết định điều chuyển; bán, thanh lý tài sản công: 01 bản sao + Quyết định phê duyệt giá khởi điểm bán tài sản công: 01 bản sao + Quyết định phê duyệt kết quả bán tài sản công: 01 bản sao + Quyết định phê duyệt chi phí xử lý tài sản công: 01 bản sao
13	Mẫu số 09b-CK/TSC	Công khai tình hình quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	
14	Mẫu số 09c-CK/TSC	Công khai tình hình quản lý, sử dụng xe ô tô và tài sản cố định khác	
15	Mẫu số 09d-CK/TSC	Công khai tình hình xử lý tài sản công	
16	Mẫu số 09đ-CK/TSC	Công khai tình hình khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công	